

Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG CỦA MỘT SỐ LOÀI HOA ĐIỂN HÌNH TRONG CA DAO VIỆT NAM

NGUYỄN THÙY VÂN *

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của một số loài hoa điển hình trong ca dao người Việt, phân tích những lớp nghĩa biểu trưng của từng loài hoa khi gắn với những ngữ cảnh cụ thể, đặc biệt là những liên tưởng phong phú, đa dạng gắn với đời sống con người. Qua thao tác phân tích ngữ nghĩa, kết hợp với những luận giải dựa trên yếu tố văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và tâm thức bản địa, bài viết góp phần chứng minh biểu trưng hoa trở thành trung tâm, hạt nhân, và motif nền tảng hình thành cấu tứ các bài ca dao của người Việt.

Từ khóa: Ca dao; dân ca; biểu trưng; biểu tượng; hoa đào; hoa sen; hoa hồng; hoa cúc; hoa lan; hoa huệ; motif; kín đáo; dân gian; bình dân.

Ngày nhận bài: 3/7/2013; Ngày duyệt đăng bài: 30/9/2013

Nghiên cứu về biểu trưng, biểu tượng là lĩnh vực hiện được các nhà khoa học quan tâm dưới góc độ nghiên cứu liên ngành. Thế giới biểu tượng đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng và thế giới con người gợi ra những quy ước thẩm mỹ của một cộng đồng. Ngày càng có nhiều hơn những khám phá, phát hiện mới, độc đáo từ thế giới biểu tượng. Hệ thống biểu tượng nghệ thuật trong ca dao những năm gần đây đã thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, góp phần đem lại cho người tiếp nhận những ấn tượng sâu sắc, thú vị về bản chất thẩm mỹ của loại thơ ca dân gian đặc biệt này.

Bài viết tìm hiểu về ý nghĩa biểu trưng của một số loài hoa điển hình trong ca dao người Việt. Trên cơ sở một số nét nghĩa chung phổ biến là biểu thị cho người phụ nữ, khi gắn với từng ngữ cảnh cụ thể, mỗi loài hoa lại mang những nét nghĩa biểu trưng riêng biệt. Xuất phát từ những quan sát của dân gian về thế giới hoa cỏ trong

thiên nhiên, các biểu trưng về hoa đã được hình thành, mỗi loài hoa với những tính chất, đặc điểm, trạng thái không giống nhau đã gợi cho dân gian những liên tưởng phong phú, đa dạng về đời sống con người. Hoa trở thành trung tâm, hạt nhân, và mô-típ nền tảng hình thành cấu tứ các bài ca dao, tạo nên một lối giao tiếp, một cách diễn đạt kín đáo, tao nhã, cô đọng, súc tích của người bình dân xưa.

Nói đến hoa là nói đến cái đẹp, hoa biểu trưng cho vẻ đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Từ cuộc sống, hoa đi vào văn học với những biểu trưng thẩm mỹ, tín ngưỡng và triết lý nhân sinh. Những biểu trưng của hoa được khơi nguồn từ văn học dân gian. Trong tiếng Việt, “hoa” có nhiều nghĩa khác nhau, trong đó nghĩa cơ bản, nghĩa gốc là: “*Cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, thường có màu sắc và hương thơm*”⁽¹⁾. Hoa có những nét chung phổ biến như: *hoa là hiện thân của*

(*) NCS Khoa Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội.

(1) Từ điển tiếng Việt, tr. 552.

sự sống (dấu hiệu của thực vật đến kỳ sinh trưởng dồi dào); *hoa là biểu tượng của cái đẹp* (thuộc tính điển hình); *hoa là biểu tượng của phút giây thoáng qua* (mau nở, chóng tàn); *hoa là thực thể thụ động* (yếu đuối, phụ thuộc). Trên cơ sở một nét nghĩa chung ấy, mỗi biến thể kết hợp của “*hoa*” lại gọi ra những ý nghĩa riêng, thể hiện những sắc thái trong thế giới nội tâm phong phú và tinh tế của con người.

Trong ca dao, hoa không chỉ xuất hiện với lớp nghĩa đen thuần túy mà còn được tác giả dân gian khoác cho các lớp nghĩa biểu tượng. Hoa là cái đẹp, là người yêu, là hiện thân cho những giá trị thiêng liêng cao đẹp, là biểu trưng cho lối sống, tâm hồn và cốt cách của người Việt. Đặc biệt, hoa trong ca dao còn biểu trưng cho vẻ đẹp và thân phận của người phụ nữ.

Qua khảo sát tập *Kho tàng ca dao người Việt* với 11.847 câu ca dao, bài viết tập trung khảo sát và tìm hiểu nghĩa biểu trưng của các từ thuộc tiểu trường nghĩa chỉ các loài hoa với 7 loài hoa xuất hiện nhiều nhất trong ca dao người Việt. Đó là các loài hoa như : hoa đào (146 lần, chiếm 7%), hoa sen (101 lần, chiếm 4,7%), hoa hồng (67 lần, chiếm 3%), hoa lan (45 lần, chiếm 2%), hoa cúc (50 lần, chiếm 2,3%) và hoa huệ (25 lần, chiếm 1%).

1. Hoa đào

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, hoa đào có những lớp nghĩa biểu trưng phong phú: Hoa đào biểu trưng cho mùa xuân, là hình ảnh của sự đổi mới và sức sinh sản dồi dào⁽²⁾. Đào được biết đến tại Trung Quốc và Nhật Bản không chỉ như là một loại quả phổ biến mà còn gắn liền với nhiều truyền thuyết dân gian và tín ngưỡng. Ở Trung Hoa, quả đào là biểu tượng của sự trường thọ. Trong văn hóa

Trung Hoa cổ đại thì “*đào*” còn là một từ mang nghĩa bóng để chỉ những cô dâu mới, vì vậy nó cũng được chọn làm biểu tượng cho lễ cưới. Quả đào được xem là có tác dụng phòng chống những ảnh hưởng xấu, trừ tà ma⁽³⁾. Gỗ đào được cho là có khả năng bảo vệ tuyệt vời chống lại ma quỷ. Ngoài ra, cây đào và quả đào thường biểu trưng cho sự trường sinh bất tử gắn với huyền thoại về cây đào của Tây Vương Mẫu 3000 năm mới ra quả một lần. Không những thế, hoa đào cũng được chọn làm biểu tượng cho sắc đẹp của người thiếu nữ. Cũng với người Trung Quốc, vườn đào ngoài việc gắn với đề tài lịch sử - Lối thê vườn đào trong *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của La Quán Trung, nó còn được xem là khu vườn địa đàng, vườn của sự trường sinh, sự tới đích của hành trình thụ pháp. Còn theo quan niệm của người Nhật, hoa đào tượng trưng cho sự trong trắng và thủy chung, tượng trưng cho sự trinh tiết của người phụ nữ⁽⁴⁾.

Trong văn hóa Việt Nam, hoa đào cũng như cây đào, quả đào không hàm chứa hết các lớp nghĩa biểu tượng ở trên mặc dù những ý nghĩa ấy không xa lạ gì đối với người Việt Nam qua lịch sử, văn hóa Trung Quốc cũng như Nhật Bản. Hoa đào đã đi vào lịch sử, ngôn ngữ hàng ngày và thi ca một cách đậm đà ý vị. Về lịch sử, vào tết Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung sau khi đem đoàn quân tốc chiến từ Nam ra Bắc, đại phá được 20 vạn quân Thanh xâm lược, liền sai quân sĩ chọn lấy một cành bích đào đẹp nhất Thăng Long, cho

⁽²⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du, Đà Nẵng, tr. 282.

⁽³⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd, tr. 282.

⁽⁴⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd, tr. 282.

ngựa phi gấp mang vào Phú Xuân để tặng cho công chúa Ngọc Hân, thay cho thiệp báo tin mừng chiến thắng. Trong ngôn ngữ hàng ngày thì màu đào, dùng để tả màu hồng thắm hay đỏ tươi như: *lụa đào, cờ đào, máu đào*.

Theo quan niệm của người Việt, hoa đào nở vào mùa xuân - mùa của sự phồn sinh, đem lại sinh lực và hạnh phúc mới nên loài hoa này biểu tượng cho sự may mắn, hạnh phúc, cho tình bạn khăng khít, thân thiết và trường tồn. Mùa xuân cũng là thời gian tốt nhất cho những đôi trai gái lập gia đình, vì vậy, đào cũng là biểu tượng của hôn nhân. Chưng một cây đào trong nhà hoặc đem tặng cho một người mà bạn yêu mến là thể hiện lời cầu chúc cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc mỹ mãn, niềm vui và sự yên ấm. Theo phong thủy phương Đông, cây đào tượng trưng cho sự trường thọ nên đặc biệt có hiệu quả trong việc thu hút sinh khí vào phòng, là vật có khả năng thu hút vận may đối với gia chủ. Cây đào cũng là một trong những loại cây có vị trí quan trọng trong nhiều loại hình nghệ thuật và tập quán, phong tục của nhiều nước ở phương Đông. Trong chạm khắc trang trí đình làng của người Việt, đào được cách điệu với mô típ “đào hoá lân” hoặc “đào hoá rồng”. Đây là loại mô típ có tính *lưỡng nguyên*: vừa là cây, vừa là vật.

Nếu như văn hóa Trung Quốc và Nhật Bản chú trọng chủ yếu vào ý nghĩa của quả đào thì văn hóa Việt Nam chú trọng chủ yếu vào ý nghĩa của hoa đào, vườn đào. Trong kho tàng ca dao người Việt, hoa đào thuộc nhóm 7 loài hoa xuất hiện nhiều nhất trong thế giới muôn hoa. Trong *Kho tàng ca dao người Việt*, qua khảo sát 11.847 câu ca dao, hình ảnh hoa đào xuất hiện 146 lần, (chiếm 7%) đứng ở

vị trí cao nhất trong bảng xếp loại. Hoa đào được xem là loại hoa đặc trưng cho mùa xuân và là một di sản tinh thần của người Việt. Theo thống kê cụ thể, có 69 lời ca nói tới hình ảnh của hoa đào và vườn đào với nhiều lớp nghĩa biểu trưng cụ thể.

Hoa đào biểu trưng cho vẻ đẹp của người thiếu nữ: Hoa đào xuất hiện với nghĩa biểu trưng với tần số cao trong các lời ca có từ đào. Với 17 lần lặp lại, hoa đào được liên tưởng với vẻ đẹp của người thiếu nữ và xuất hiện với nhiều biến thể. Các tác giả dân gian đã khắc họa vẻ đẹp người phụ nữ trong sự tương quan với *hoa đào*, đôi khi là *búp đào, nụ hoa, nhị hoa*, thậm chí cả *thân cành và cội rễ hoa*. Hình ảnh búp đào hay nụ hoa chớm nở đầy e ấp, óng ánh như chính vẻ đẹp tự nhiên căng đầy nhựa sống thanh tân của thiếu nữ:

Đi ngang thấy búp hoa đào

Muốn vào mà bề sợ rào lấm gai.

(KTCĐNV, tr. 822)

Bông đào chênh chếch nở ra

Thấy hoa liền hái biết hoa ai trồng.

(KTCĐNV, tr. 794)

Màu sắc và hương thơm làm nên vẻ đẹp của hoa. Sắc thắm tươi hồng của hoa đào hay trái đào chín hây hây má đỏ cũng được ví với vẻ đẹp rục rịch của người con gái. Vẻ đẹp ấy để lại bao nhiêu niềm tiếc nuối cho các chàng trai. Từ má đào xuất hiện 9 lần trong sự chuyển nghĩa chỉ vẻ đẹp tươi tắn, hồng hào của người con gái. Đôi má ửng hồng của người thiếu nữ như hoa đào, nói má đào là nói đến người con gái đẹp.

Thấy ai hân hân má đào

Thanh tân mà liễu dạ nào chả thương.

(KTCĐNV, tr.204)

Cánh hoa đào mong manh trước cảnh dãi dầu gió mưa của thiên nhiên cũng

giống như tâm trạng người con gái e sợ, dè dặt trước khi trao thân, gửi phận mình cho người đàn ông mà mình lựa chọn gắn bó:

Vóc bô liễu e dè gió bụi

Đóa hoa đào sợ hãi nắng sương.

(KTCĐNV, tr.2338)

Hoa đào còn biểu trưng cho tình yêu đôi lứa. Hình ảnh hoa đào thường gắn bó với tình yêu và duyên nợ của trai gái nông thôn, xuất hiện trong rất nhiều bài ca dao. Vườn đào trong ca dao là vườn yêu, vườn tình ái, là nơi tình tự. Trong 11.847 câu ca dao khảo sát, hình ảnh biểu tượng này xuất hiện 33 lần, chiếm tỉ lệ cao trong các lời ca dao có xuất hiện hình ảnh đào.

Vườn đào là khu vườn của nhan sắc, vườn yêu, vườn tình ái, nơi dập dìu ong bướm, dập dìu khách ghé thăm và khao khát hái hoa, bẻ nhụy, khát khao chinh phục tình yêu:

Bướm vàng, bướm trắng, bướm xanh

Bay qua lượn lại, quẩn quanh vườn đào.

(KTCĐNV, tr. 604)

Đi qua trước cửa vườn đào

Thấy hoa thiên lí muốn vào hái chơi.

(KTCĐNV, tr.827)

Trong vườn tình ái ấy, vườn đào trở thành không gian tỏ tình lí tưởng, kín đáo nhất cho các chàng trai cô gái đương độ xuân thì. Đôi khi, nhân vật trữ tình cũng hóa thân vào “đào”, “mận” để bày tỏ những lời ước hỏi sâu kín:

Đêm qua mận mới hỏi đào:

Vườn xuân đã có ai vào hái hoa?

Bông đào chênh chếch nở ra

Dang tay muốn hái sợ nhà có cây

Lạ lòng anh mới tới đây

Thấy hoa liền hái, biết cây ai trồng?

(KTCĐNV, tr.7944)

Vẫn là biểu tượng vườn đào nhưng khi vườn đào ấy vắng bóng bướm ong qua lại

có nghĩa nhằm chỉ người con gái đã phai má đào mà vẫn chưa tìm được nơi trao thân gửi phận, chưa yên bề gia thất:

Chông còn mô có anh nào

Em còn lặn đạn vườn đào sớm trưa.

(KTCĐNV, tr.633)

Hoa đào là biểu trưng cho cái đẹp, cho nhan sắc người con gái. Song quy luật nghiệt ngã của thời gian đã khiến cho người con gái không giữ mãi được nét thanh tân, quyến rũ, cảm cảnh tuổi xuân một đi không trở lại, sự luyến tiếc cuộc đời, luyến tiếc cái đẹp cũng được thể hiện bởi hình ảnh “hoa đào héo nhụy”:

Hoa đào héo nhụy anh thương,

Anh mong bẻ lá che sương cho đào.

(KTCĐNV, tr.1093)

Hoa đào héo nhụy, tuổi xuân trôi đi, song không hẳn duyên của người con gái đã kém mặn mà. Lời trách móc chua xót của kiếp hoa cũng làm đắng lòng các bậc quân tử:

Thân thiếp như cánh hoa đào,

Đang tươi đang tốt thiếp trao cho chàng.

Bây giờ nhị rửa hoa tàn,

Vườn xuân nó kém sao chàng lại chê?

(KTCĐNV, tr.2034)

Như vậy, với những lớp nghĩa biểu trưng đa dạng, hoa đào trở thành một biểu trưng đặc biệt trong ca dao dân ca Việt Nam, ngoài những nét nghĩa biểu tượng hàng tại đã đi vào ký tích văn hóa và tâm thức dân tộc, nó còn biểu trưng cho cái đẹp, sức trẻ, cho tâm hồn và cốt cách con người, đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam.

2. Hoa sen

Hoa sen là loại hoa xuất hiện nhiều trong ca dao người Việt. Hoa sen là biểu tượng của sự thuần khiết giữa bụi trần tục lụy. Theo quan niệm của người Việt, hoa sen hội tụ đầy đủ trong mình ý nghĩa triết

học - nhân sinh cao quý, mang ý nghĩa về âm dương ngũ hành và sức vươn dậy của một ý chí sống mãnh liệt như dân tộc Việt. Từ vẻ đẹp tạo hình, sự hài hòa màu sắc, hoa sen đã được chọn là “*Quốc hoa Việt Nam*” với nhụy vàng gợi liên tưởng tới màu lá cờ tổ quốc, sự thanh tao, tinh khiết; với vẻ đẹp vươn lên từ bùn giống như người Việt từ nghèo khổ, từ nô lệ mà đứng lên – hoa sen đã trở thành loại hoa biểu trưng cho cốt cách, tâm hồn Việt Nam. Không riêng Việt Nam, Ấn Độ - quốc gia của đạo Phật cũng đã tôn hoa sen trắng làm “Quốc hoa”, với ý nghĩa bản thể là loài hoa từ nguồn cội.

Hoa Sen trong Phật giáo là biểu tượng của sự thuần khiết và sinh hóa hồn nhiên bởi ở sen có 5 phẩm chất cơ bản: tính vô nhiễm (không bị vương bẩn mùi bùn); tính thanh lọc (dòng nước nơi sen sinh trưởng trở nên trong mát); tính thủy mị (sen tỏa hương thanh khiết); tính thuần khiết (ong bướm không lai vãng hút nhụy); tính kiên nhẫn (trong quá trình sinh trưởng, vươn lên). Các hoa sen có màu sắc khác nhau sẽ mang những ý nghĩa biểu trưng khác nhau. Từ đời sống, hoa sen đã đi vào tâm thức của người Việt, trở thành hình tượng đặc biệt trong nghệ thuật, trong kiến trúc và điêu khắc.

Người Việt vốn sống trong môi trường của hệ sinh thái nhiệt đới, cây cỏ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống vật chất và tâm linh của con người. Sống, tồn tại trong cây cỏ, nhờ cây cỏ và chết cũng hoá thân trong cây cỏ. Cho nên từ xa xưa người Việt đã có tín ngưỡng thờ cây, vì thế, hoa sen cũng là loài cây cỏ được dùng làm mô típ trang trí chủ đạo trong chùa. Trong kiến trúc Phật giáo Á Đông, hình tượng hoa sen mang ý nghĩa về sự giải

thoát, giác ngộ Phật pháp. Ở Việt Nam, những công trình kiến trúc tiêu biểu với hình tượng hoa sen thường xuất hiện trong những giai đoạn hưng thịnh của Phật giáo như: Chùa Một Cột - Hà Nội; tháp Cửu phẩm liên hoa, Chùa Bút Tháp - Bắc Ninh; Chùa Tây Phương - Hà Nội, Chùa Kim Liên - Hà Nội... Hãng hàng không Vietnam Airline cũng lấy hoa sen vàng làm biểu tượng của mình. Biểu tượng mới của du lịch Việt Nam cũng là biểu tượng đóa hoa sen đang hé nở.

Tồn tại từ ngàn năm cùng với cây cỏ thiên nhiên đất nước, hoa sen không chỉ là người bạn thân thiết mà còn được xem như là biểu trưng văn hoá bén rễ sâu trong tâm thức người dân Việt. Ở Việt Nam, sen được xếp vào bộ tứ quý (4 mùa): Lan, sen, cúc, mai và xếp vào hàng “tứ quân tử” cùng tùng, trúc, cúc. Đi vào trong ca dao, sen tượng trưng cho cốt cách thanh tao của con người:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhi vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

(KTCĐNV, tr .2227)

Hoa sen biểu trưng cho vẻ đẹp thiếu nữ:
Gương mặt thanh tú, hồng hào của thiếu nữ thường được ví với hoa sen, nhất là búp sen:

Búp hoa sen lại lóng giữa hồ

Anh đưa tay bẻ sợ trong chùa có sư.

Có sư thì mặc có sư

Giơ tay anh bẻ có hư anh đền.

(KTCĐNV, tr.304)

Đào tơ sen ngó xanh xanh

Ngọc lành còn đợi, giá lành đẹp duyên.

(KTCĐNV, tr.734)

Hoa sen cũng được dùng để biểu thị phẩm cách cao quý của con người nói chung:

Hoa sen sao khéo giữ màu,

Nắng nồng không nhạt, mưa dầm không phai.

(KTCDNV, tr.1095)

Sen mọc lên từ bùn nhưng sen rực rỡ, thơm ngát và thanh tao “*gần bùn*”- “*chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Nói đến hoa sen, người ta thường có những liên tưởng về phẩm giá tâm hồn của con người với vẻ đẹp thuần khiết, thánh thiện và trong trắng:

Hoa sen mọc bãi cát lằm

*Tuy rằng lấm láp vẫn **mâm hoa sen**.*

(KTCDNV, tr.1095)

Sen biểu trưng cho nhân cách sáng ngời của người bình dân dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thay đổi. Nhờ mối quan hệ của hoa với những hình ảnh gần như đối lập mà nó thu nhận thêm cho mình những giá trị mới. Loài hoa dân dã mọc từ bùn lầy lại là loài hoa giữ được màu sắc bất kể mưa nắng cuộc đời. Hoa sen có sức sống thật vĩnh cửu, dầm mưa, dãi nước vẫn không phai nhạt sắc màu:

Bấy lâu còn lạ chưa quen

*Hỏi hồ đã có **hoa sen** chưa hồ.*

(KTCDNV, tr.260)

Sen cũng được nhân cách hóa để tượng trưng cho tình nghĩa con người, biểu trưng cho sự thủy chung, gắn bó sắt son, bền chặt:

Sen xa hồ sen khô tàn tạ

Lựu xa bồn, lựu ngã cành nghiêng.

Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiền,

Phiên người bội nghĩa, biết mấy niên cho hết sầu.

(KTCDNV, tr. 1833)

Là một loài hoa vươn lên từ bùn lầy để đón ánh sáng, hoa sen tượng trưng cho sự thanh cao, bất khuất của con người trước mọi nghịch cảnh, tượng trưng cho vẻ đẹp nội tâm và tâm hồn, cốt cách con người Việt Nam.

3. Hoa hồng

Hoa hồng là loài hoa đẹp, có sắc và có hương thơm. Hoa hồng đẹp nhưng nhanh tàn, cành hoa có gai. Với vẻ đẹp, hình dáng và hương thơm nổi bật, hoa hồng là loài hoa biểu trưng được ưa chuộng nhất ở phương Tây, có vai trò như hình tượng hoa sen ở châu Á, cả hai đều gần gũi với biểu tượng bánh xe. Trong văn hóa Ấn Độ, bông hồng vũ trụ Triparasundari được dùng làm vật đối chiếu với vẻ đẹp của người Mẹ thánh thân, biểu thị một sự hoàn mỹ trọn vẹn và không có thiếu sót⁽⁵⁾. Bên cạnh đó, hoa hồng còn tượng trưng cho phần thưởng cuộc sống, tâm hồn, trái tim, tình yêu, được chiêm ngưỡng và ngưỡng vọng. Trong hệ tranh tượng Kitô giáo, hoa hồng hoặc là cái chén hứng máu của Chúa Kitô, hoặc là sự hóa thân của những giọt máu này và thậm chí, là chính vết thương của Chúa⁽⁶⁾. Trong thần thoại Hy Lạp, nữ thần Aphrodite khi đến cứu Adonis bị tử thương đã bị đâm phải một cái gai và máu đã nhuộm thẫm những bông hồng cung tiến nàng, vì vậy hoa hồng đã trở thành biểu tượng của tình yêu và còn hơn thế, của sự dâng hiến tình yêu, của tình yêu trong trắng. Người Hy Lạp cho rằng hoa hồng là tặng phẩm quý báu mà nữ thần Kibela đã gửi đến cho loài người để tôn vinh những tình cảm cao đẹp, từ đó hoa hồng được mang tên "Quà tặng của thiên thần". Với vẻ đẹp, hình dáng và hương thơm đặc trưng đầy sức lôi cuốn, là biểu tượng của cuộc sống, tình yêu, sự tận tụy cũng như sắc đẹp và sự vĩnh hằng, hoa hồng là loài hoa biểu trưng được lựa chọn nhiều nhất tại các nước phương Tây.

⁽⁵⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd tr. 429.

⁽⁶⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd, tr. 429.

Nhiều đất nước đã chọn hoa hồng làm “Quốc hoa” như: Bulgaria, Mỹ, Anh, Iraq, là Maldives, CH Czech, đảo Síp, Ecuador, Luxembourg, Slovakia, Morocco. Ở Việt Nam, hoa hồng cũng mang nghĩa biểu tượng trải rộng theo các nền văn hóa phương Tây, hoa hồng bước vào thế giới thi ca và khoác lên mình những nét nghĩa biểu trưng tiêu biểu, đặc biệt là trong thế giới ca dao, dân ca.

Trong ca dao Việt Nam, *hoa hồng được biểu trưng cho vẻ đẹp thiếu nữ*. Tác giả dân gian đã lấy bộ phận của hoa hồng (cành hoa), hình dáng của hoa (búp hoa) hay màu sắc của loài hoa để chỉ vẻ đẹp của người thiếu nữ. Tự hào vì mình như búp hoa hồng, người thiếu nữ tự ý thức về vẻ đẹp xuân sắc của mình:

Em như cái búp hoa hồng

Anh như ngòi bút họa đồ trong tranh.

(KTCDNV, tr.965)

Lấy bộ phận và màu sắc của hoa để chỉ vẻ đẹp của người thiếu nữ qua cách nói quen thuộc trong nghệ thuật. Ca dao không hiếm những lời ca đẹp như thế:

Bấy lâu gió dập mưa vùi

Liễu xanh còn mắt, đào tươi má hồng.

(KTCDNV, tr.261)

Đẹp, xinh, mềm mại, mỏng manh và yếu ớt như cánh hoa hồng. Vậy mà, thật trớ trêu, khi đặt cánh hoa tuyệt mỹ ấy bên cạnh cái thứ ứ tập và hôi hám. Câu ca cất lên nghe ai oán và xót xa:

Thân em như cánh hoa hồng

Lấy phải thằng chồng như cứt bò khô.

(KTCDNV, tr. 2026)

Trong ca dao Việt Nam *hoa hồng còn biểu trưng cho tình yêu đôi lứa*: cũng như *vườn đào, vườn xuân* trong ca dao, *vườn hồng* là địa chỉ giao duyên, là vườn tình ái ngát hương. Vườn hồng xuất hiện 15 lần

trong những lời ca về hoa hồng:

Mận hỏi thì đào xin thưa

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

(KTCDNV, tr. 2175)

Lời ước hỏi tình tứ của mận - đào, lối vào vườn hồng chính là câu chuyện của anh - em và con đường đến với trái tim tình yêu được tác giả dân gian thể hiện khéo léo. Muôn ngàn con đường, muôn ngàn cách nói bộc lộ tiếng lòng thổn thức của trái tim yêu:

Ví dù chàng hãy còn không

Để em xin tới vườn hồng hái hoa.

(KTCDNV, tr.1628)

Cái đặc sắc trong lời ca là ở chỗ, cô gái là người chủ động xin tới hái hoa trong vườn hồng nếu chàng trai vẫn chần chừ gói chiếc. Cái “ví dù” ấy thật đáng trân trọng. Suy nghĩ táo bạo ấy trong tình yêu đã mở đường cho hành động “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” của Thúy Kiều đến với tình yêu theo tiếng gọi của con tim rạo rức.

Thế rồi, ở lời ca khác, ta lại gặp lời khấn cầu thay cho lời khước từ ý nhị của cô gái. Vườn hồng đã có chủ, trái tim cô gái đã có người thương:

Vườn hồng đã có người coi

Xin anh chớ có vãng lai vườn hồng.

(KTCDNV, tr.666)

Chính nhờ vào mùi hương dịu dàng, thanh thoát, sang trọng và hình dáng tao nhã, hài hòa, yêu kiều, đẹp đẽ một cách tự nhiên mà hoa hồng được ví như vẻ đẹp của người mẹ, của nữ giới nói chung. Đi vào trong ca dao, hoa hồng đã trở thành một tín hiệu thẩm mỹ vô cùng đặc sắc.

4. Hoa lan, hoa huệ

Trong quan niệm của người Việt, lan và huệ là hai loài hoa đẹp và quý. Ông bà ta vẫn có câu: “*Vua chơi Lan, quan chơi Trà*”

để khẳng định đẳng cấp của hoa Lan. Lan là loại hoa vương giả, có sự kết hợp hài hoà giữa cái đẹp trong tự nhiên và bản tính hướng thiện của người đời. Là loài hoa quý hiếm, lan tượng trưng cho vẻ đẹp sang trọng, lịch lãm. Trong thế giới biểu tượng, hoa lan từ lâu đã được liên kết với khả năng sinh sản và sinh lực. Ở Hy Lạp cổ đại, người ta tin rằng việc dùng các loại cỏ rễ của lan có thể giúp xác định giới tính của thai nhi chưa sinh, vì vậy, hoa lan đã trở thành quà tặng phổ biến cho các cặp vợ chồng đang mong con. Ở Trung Quốc cổ đại, hoa lan đã được xem là biểu tượng con đàn cháu đống, không những thế, người Trung Quốc cổ đại còn xem cánh hoa lan là hình ảnh thu nhỏ của sự hoàn hảo của con người. Ở Nhật Bản cổ đại, hoa lan được trân trọng trong hoàng gia, được coi là biểu tượng của sự giàu có, thịnh vượng.

Hoa huệ có màu trắng, bao hoa hình phễu, hương thơm ngào ngạt, tỏa hương về đêm. Cây hoa huệ ưa ánh sáng, cho hoa quanh năm. Khác với hoa lan, hoa huệ là một biểu trưng cho sự tinh khiết, ân sủng, đức hạnh, lòng chung thủy, cao thượng, ngây thơ và hy vọng. Huệ là loài hoa mang màu trắng thanh lịch, với hương thơm dịu dàng, trở thành hình ảnh xuất hiện nhiều trong văn học, thơ ca, lịch sử, thần thoại, và thế giới nghệ thuật. Trong thần thoại Hy Lạp, hoa này được sinh ra chính từ vài giọt sữa rơi xuống mặt đất của nữ thần Hera, vợ của thần Zeus. Người ta cũng tin rằng hoa này khi tự mọc trên những ngôi mộ của những người trong sạch, vô tội bị xử oan, đó được xem như là điềm chứng minh cho sự thanh khiết. Theo truyền thuyết trong những ngụ ngôn của Tây Ban Nha, ai bị biến thành quái vật, ăn hoa này sẽ được biến lại thành người. Đối

với nền văn minh cổ của người Do Thái, nó cũng được xem như là hoa thiêng liêng. Theo Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới, hoa huệ có khả năng khôi phục cuộc sống trong sạch, là lời hứa hẹn về bất tử và vĩnh phúc⁽⁷⁾. Ở Việt Nam, huệ là thứ hoa được dùng nhiều trong việc cúng, lễ mà ít dùng để tặng nhau.

Trong kho tàng ca dao Việt Nam, lan và huệ thường xuất hiện song song trong cùng một lời ca. Sự xuất hiện của cái này gọi cái kia để cùng biểu đạt một ý tưởng nào đó của tác giả dân gian.

Là những loài hoa quý, hoa huệ, hoa lan mang nét đẹp kiêu sa mà không loài hoa nào sánh kịp, đi vào cấu tứ ca dao, lan và huệ trở thành tín hiệu khẳng định và ca ngợi của người đời:

Nhất thơm hoa huệ, hoa mai

Hoa lan, hoa cúc ai mà chẳng ưa.

(KTCDNV, tr.1806)

Trong ca dao, *hoa lan, hoa huệ* biểu trưng cho vẻ đẹp của người thiếu nữ: Ca dao nói nhiều về lan và huệ. Người ta thường so sánh *lan* với *hoa lưu, hoa lê, hoa lí*, và ca tụng *lan* với những cô gái đẹp:

Hôm nay lan huệ sánh bày

Đào đông ướm hỏi liễu tây một lời.

(KTCDN, tr.1115)

Nhớ con nguyệt đôi sao tàn

Cùng nhau thu cúc xuân lan sánh bày.

(KTCDNV, tr.1664)

Hoa lan, hoa huệ còn biểu trưng cho tình yêu đôi lứa: Lan huệ luôn song hành, quấn quýt bên nhau, đan lồng trong nhau, thể hiện khát vọng hòa hợp trong tình yêu:

Nhớ rằng nhớ khách Chương Đài

Nhớ lan, nhớ huệ, nhớ người tài hoa.

(KTCDNV, tr 1671)

⁽⁷⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sdd, tr. 459.

Lời *lan huệ* là lời đá vàng thủy chung:

Ông tơ sao khéo đũa đoan

Một lời lan huệ, đá vàng thủy chung.

(KTCDNV, tr.1574)

Yêu nhau xa cũng nên gần

Hoa lan chực tiết, hoa xuân đợi chờ.

(KTCDNV, tr.2171)

Thế nhưng, gặp phải cảnh ngộ trở trêu, *lan* và *huệ* phải xa nhau thì “*lụy hồng tuôn rơi*”, “*lan sâu huệ*”, “*lan huệ héo*”:

Làm cho đau khổ tấm lòng

Lan xa huệ cách lụy hồng tuôn rơi.

(KTCDNV, tr.2357)

Cá sấu ai cá chẳng quật đuôi

Như lan sâu huệ, như tôi sâu chông.

(KTCDNV, tr.319)

5. Hoa cúc

Cúc là một loài hoa đẹp, dáng thanh tao và mang một mùi thơm dịu dàng. Hoa cúc với màu vàng rực rỡ, thuộc hành thổ, biểu tượng cho sự giàu sang, phú quý, vương giả. Những cánh hoa cúc được sắp xếp có quy củ như những tia sáng phát ra từ một tâm, khiến hoa cúc trở thành biểu tượng của mặt trời, liên kết với những ý niệm về sự trường thọ và bất tử⁽⁸⁾. Hoa cúc còn là biểu tượng của mùa thu, người xưa gọi tháng chín là “cúc nguyệt”, hoa cúc và mùa thu có một sự giao tình kỳ lạ. Được mệnh danh là “Băng thanh ngọc khiến”, hoa cúc là loài chịu sương chịu gió, tượng trưng cho phẩm chất cao thượng, tinh khiết, cho nếp sống khiêm tốn, điềm đạm của con người. Từ Nhật Bản đến Trung Quốc và Việt Nam, hoa cúc là biểu tượng của sự hoàn hảo, toàn bích và của niềm vui chiêm ngưỡng cái đẹp⁽⁹⁾. Người Trung Quốc xem cúc như biểu tượng của người ẩn sĩ và sự thanh cao, cúc cũng là một trong những biểu tượng của hội họa Trung Hoa.

Từ lâu hoa cúc đã có mặt trong đời sống tâm linh của người Việt. Ở Việt Nam, cúc

được xếp trong hàng tứ quý: “Tùng, cúc, trúc, mai”. Các cụ ta yêu quý hoa cúc, vì nó là một loài hoa trong sạch, thanh cao. Lá hoa cúc không bao giờ rụng khỏi cành, dù đã héo quắt. Hoa cúc nở vào mùa thu dưới sắc nắng vàng nhạt:

Trăm hoa đua nở mùa xuân

Cớ sao cúc lại muộn hẳn tiết thu.

(KTCDNV, tr.2159)

Trong ca dao Việt Nam, *hoa cúc* thường biểu trưng cho vẻ đẹp thiếu nữ: Cô gái nọ trong ca dao so sánh mình với loài hoa cúc để thể hiện niềm kiêu hãnh về vẻ đẹp của mình qua cách nói đầy táo bạo:

Được như hoa cúc, hoa quỳ

Thì em cũng bỏ một thì chơi hoa.

(KTCDNV, tr.973)

Cúc mọc bờ giếng cheo leo

Đố ai dám trèo hái cúc mà chơi.

(KTCDNV, tr.516)

Hoa cúc cũng biểu trưng cho tình yêu đôi lứa: Mượn loài hoa trong hàng “tứ hữu thanh nhàn” để nói về một sự gặp gỡ tình cờ xứng duyên, đó là mong ước của bao chàng trai cô gái Việt. Khát vọng hạnh phúc xứng đôi vừa lứa được ngấm ẩn trong câu hỏi đầy ám ảnh:

Mai lan cúc trúc tứ hữu thanh nhàn

Liệu tình cờ cây mọc gặp lá vàng có xứng không?

(KTCDNV, tr.1308)

Hoa cúc còn biểu trưng cho khát vọng hạnh phúc: Cách nói nhân hóa ở câu ca dưới đây đã khẳng định điều đó. Chuyện của cúc hay chuyện của trai gái yêu nhau, chuyện to hồng vấn vương:

Tay bưng chậu cúc ba bông

Cúc xây lê lựu, tơ hồng vấn vương.

(KTCDNV, tr.1881)

⁽⁸⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd, tr. 222.

⁽⁹⁾ Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), Sđd, tr. 222.

Chàng trai trân trọng loài hoa đẹp hay trân trọng người thiếu nữ mình đem lòng yêu thương. Trồng hoa cúc hay trồng cây hạnh phúc bên người thiếu nữ có nghĩa có tình:

Tay bưng chậu cúc năm bông

Thấy em có nghĩa muốn trồng xuống đây.

(KTCĐNV, tr.1881)

Lời khẳng định về vẻ đẹp của hoa cúc sau bao “nguyệt đổi sao tàn” là lời khẳng định vẻ đẹp nhan sắc và vẻ đẹp của tình yêu:

Nhớ cơn nguyệt đổi sao tàn

Cùng nhau thu cúc xuân lan sánh bày.

(KTCĐNV, tr.1164)

Như vậy, từ những bông hoa cụ thể trong đời sống cho đến những bông hoa biểu tượng trong ca dao là cả một quá trình quan sát, trải nghiệm, tích lũy... lâu dài của dân gian. Để thể hiện nghĩa biểu tượng, hoa được đặt trong nhiều mối quan hệ, quan sát dưới nhiều khía cạnh, từ đó, dân gian đã tinh tế phát hiện ra những nét tương đồng giữa thế giới các loài hoa và thế giới con người, tìm ra những nét nghĩa biểu trưng như một số loài hoa mà trên đây đã phân tích.

Kết luận

Biểu trưng luôn chứa đựng trong mình những giá trị đã được vĩnh hằng hóa, song không phải vì thế mà nó trở thành nơi tồn đọng những giá trị cũ mòn, nơi giam giữ các tầng ý nghĩa trong sự xơ cứng. Trái lại, biểu trưng là một thực thể sống động, luôn luôn có sự luân chuyển, đáp ứng nghĩa liên tục. Sinh thể ấy được nuôi dưỡng bằng những lối tư duy, những tưởng tượng phong phú của con người. Đời sống của con người không bao giờ bớt phức tạp đi, và biểu trưng vì thế cũng không bao giờ đơn giản hơn. Những phức tạp của cuộc sống dội vào tâm tư con người những suy tưởng không cùng, để rồi từ đó, chúng

lại được dồn nén vào hệ thống biểu trưng. Đó là con đường tất yếu của đời sống và cũng là xu hướng tồn tại và phát triển tất yếu của biểu trưng.

Trong thi ca nói chung và ca dao nói riêng, biểu trưng hoa thường khiến cho người ta liên tưởng tới vẻ đẹp thanh cao và tao nhã. Là nghĩa đen hay nghĩa bóng thì biểu trưng hoa luôn khoắc cho mình một vẻ đẹp để khiến ta rung động. Ngoài ra, hoa trong ca dao còn biểu trưng cho phẩm chất và nhân cách, tâm hồn con người, đặc biệt là người phụ nữ. Hoa cũng được biểu trưng cho tình yêu đôi lứa với đầy đủ các cung bậc của tình yêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Châm (2000), “*Biểu tượng hoa sen trong văn hoá Việt Nam*”, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4, tr.53 - 61.
2. Nguyễn Phương Châm (2001), “*Biểu tượng hoa hồng trong văn hoá Việt Nam*”, Tạp chí Nguồn sáng dân gian, số 1, tr.30 - 34.
3. Nguyễn Phương Châm (2001), “*Biểu tượng hoa đào*”, Tạp chí Văn hoá dân gian, số 5, tr.16 - 22.
4. Mai Ngọc Chừ (1991), “*Ngôn ngữ ca dao Việt Nam*”, Tạp chí Văn học, số2, tr.24 - 28.
5. Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, *Ca dao Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Tập 1-2.
6. Jean Cheralier Alain Greerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du, Đà Nẵng.
7. Nguyễn Xuân Kính (1992), *Thi pháp ca dao*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (1995), *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Tôn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ và tư duy ở người Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.